TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **114/**2026/HSST Ngày: 22/04/2026	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồ và ông Đỗ Xuân Trường

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8, thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 72/2026/HSST ngày 23 tháng 03 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2026/QĐXXST-HS ngày 07/04/2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn A,** sinh năm: 1982; Nơi ĐKTT và ở: Số 4/9/38 Phan Đình Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn Tưởng; Con bà: Nguyễn Thị Dậu; Có vợ là: Đỗ Thị Huệ; Có 02 con, lớn SN 2017, nhỏ SN 2019.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Tại bản án số 217/2004/HSST ngày 15/9/2004, bị Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội (cũ) xử phạt Nguyễn Văn A 24 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/3/2006 (Đã được xóa án tích).

- Tại bản án số 03/2008/HSST ngày 14/01/2008, bị Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (cũ) xử phạt Nguyễn Văn A 60 tháng tù về tội "*Cướp giật tài sản*" và "*Trộm cắp tài sản*", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010 **(**Đã được xóa án tích**)**

Danh chỉ bản số 209 lập ngày 22/01/2026 tại PC11A – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2026 đến ngày 13/02/2026. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Phí Đình A1,** sinh năm: 1994; Nơi ĐKTT và ở: Thôn Cao Xá, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Phí Đình Quý; Con bà: Đỗ Thị Hội; có vợ là: Phí Thị Thu; Có 02 con đều SN 2023.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 109 lập ngày 11/01/2026 tại PC11A – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày 11/01/2026 đến ngày 05/3/2026. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên Toà).

3. Họ và tên: **Đỗ Văn A2,** sinh năm 1982; Nơi ĐKTT: Tổ dân phố Tiền Tiến, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh; Nơi ở hiện tại: Thôn Đoài Khê, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông: Đỗ Văn Nhân; Con bà: Đỗ Thị Lanh; Có vợ là: Bùi Thị Hằng, Có 01 con SN 2002.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Ngày 09/7/1997, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng tại trường giáo dưỡng tỉnh Ninh Bình, đã chấp hành xong năm 1999.

+ Tại bản án số 157/2004/HSST ngày 06/9/2004, bị Toà án nhân dân thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (cũ) xử phạt Đỗ Văn A2 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2005 (Đã được xóa án tích)

+ Tại bản án số 30/2005/HSST ngày 25/7/2005, bị Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (cũ) xử phạt Đỗ Văn A2 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2007 (Đã được xóa án tích).

+ Tại bản án số 194/2005/HSST ngày 26/10/2005, bị Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (cũ) xử phạt Đỗ Văn A2 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/01/2007 (Đã được xóa án tích).

+ Tại bản án số 32/2007/HSST ngày 07/6/2007, bị Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (cũ) xử phạt Đỗ Văn A2 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/5/2009 (Đã được xóa án tích).

+ Tại bản án số 41/2010/HSST ngày 22/6/2010, bị Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (cũ) xử phạt Đỗ Văn A2 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/3/2011 (Đã được xóa án tích).

+ Tại bản án số 255/2011/HSST ngày 08/11/2011, bị Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (cũ) xử phạt Đỗ Văn A2 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/6/2012 (Đã được xóa án tích).

+ Tại bản án số 163/2014/HSST ngày 13/8/2014, bị Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (cũ) xử phạt Đỗ Văn A2 01 năm 03 ngày tù về tội "Không tố giác tội phạm", đã chấp hành xong hình phạt ngày tù ngày 13/8/2014 do thời gian phạt tù được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam (Đã được xóa án tích).

+ Tại bản án số 149/2015/HSST ngày 23/11/2015, bị Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (cũ) xử phạt Đỗ Văn A2 03 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 6/11/2018. (Đã được xóa án tích)

+ Tại bản án số 112/2018/HSST ngày 25/7/2019, bị Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (cũ) xử phạt Đỗ Văn A2 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/3/2022 (Đã được xóa án tích)

Danh chỉ bản số 99 lập ngày 11/01/2026 tại PC11A – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày 11/01/2026 đến ngày 05/03/2026. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Toà).

4. Họ và tên: **Phí Hữu A3,** sinh năm: 1988; Nơi ĐKTT và ở: Thôn Cao Xá, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông: Phí Hữu Chánh (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Tiếp; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 110 lập ngày 11/01/2026 tại PC11A – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày 11/01/2026 đến ngày 13/02/2026. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Toà).

5. Họ và tên: **Bùi Xuân A4,** sinh năm 2003; Nơi ĐKTT: thôn Nguyệt Lũ, xã Ái Quốc, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện nay: Số 27B Phượng Trì, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Bùi Thế Kỳ; Con bà: Bùi Thị Nhiễu; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 107 lập ngày 11/01/2026 tại PC11A – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày 11/01/2026 đến ngày 13/02/2026. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Toà).

6. Họ và tên: **Đỗ Văn A5,** sinh năm 2004; Nơi ĐKHKTT: thôn Tiến Lợi, xã Nam Cường, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện tại: Số 27B Phượng Trì, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Đỗ Văn Long (đã chết); Con bà: Bùi Thị Lanh; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 101 lập ngày 11/01/2026 tại PC11A – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày 11/01/2026 đến ngày 13/02/2026. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Toà).

7. Họ và tên: **Nguyễn Hồng A6,** sinh năm 1997; Nơi ĐKHKTT: Đội 4, thôn Cống Khê, xã Phú Thái, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện tại: Số 27B Phượng Trì, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn Phong; Con bà: Nguyễn Thị Huyền; Có vợ là: Bùi Thị Thu Hương; Có 01 con SN 2026.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 102 lập ngày 11/01/2026 tại PC11A – Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo bắt, tạm giữ tạm giam từ ngày 11/01/2026 đến ngày 13/02/2026 Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên Toà).

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị B, sinh năm 2000; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân Thịnh, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

2. Anh Đoàn Văn B1, sinh năm 1974; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Phú Đa, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

3. Anh Nguyễn Văn B2, sinh năm 1990; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 6, xóm 9, xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội

4. Ông Ngô Văn B3, sinh năm 1972; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Cao Xá, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

5. Anh Nguyễn Thanh B4, sinh năm 1994; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Cao Xá, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

6. Chị Bùi Thảo B5, sinh năm 1999; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Cụm 5, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

7. Ông Nguyễn Văn B6, sinh năm 1965; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Phượng Trì, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

8. Anh Đàm Văn B7, sinh năm 1988; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Lũng Kênh xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

9. Anh Nguyễn Văn B8, sinh năm 1994; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Phú Đa, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

10. Anh Nguyễn Xuân B9, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Cao Hạ, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

11. Anh Nguyễn Văn B10, sinh năm 1989; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Nhuệ, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

12. Anh Nguyễn Cao C, sinh năm 1995; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Yên Thái, xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội.

13. Anh Nguyễn Tuấn C1, sinh năm 1989; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Kim Hoàng, xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội

14. Anh Đỗ Bá C2, sinh năm 1984; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

15. Anh Nguyễn Viết C3, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội.

16. Bà Nguyễn Thị Thanh C4, sinh năm 1990; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Thượng Thuỵ, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

17. Anh Nguyễn Ích C5, sinh năm 1988; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Cao Trung, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.
18. Anh Trần Bá C6, sinh năm 1992; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Thuỵ Ứng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
19. Ông Nguyễn Hữu C7, sinh năm 1975; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Yên Vĩnh, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.
20. Bà Nguyễn Thị C8, sinh năm 1982; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Phương Bản, xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội.
21. Ông Nguyễn Danh C9, sinh năm 1979; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Chàng Trũng, xã Dương Hoà, thành phố Hà Nội.
22. Ông Nguyễn Văn C10, sinh năm 1981; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 2, xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội.
23. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1988; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Khu 5, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.
24. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1988; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Khu 7, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.
25. Ông Đoàn Đắc D2, sinh năm 1981; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Khu 1, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.
26. Ông Nguyễn Thanh D3, sinh năm 1986; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Chùa Ngụ, xã Dương Hoà, thành phố Hà Nội.
27. Anh Bùi Quang D4, sinh năm 1991; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Đồng Tháp, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
28. Bà Tạ Thị D5, sinh năm 1985; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 2 (Thượng Mỗ), xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
29. Anh Bùi Văn D6, sinh năm 1992; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Bãi Tháp, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
30. Ông Hoàng Văn D7, sinh năm 1977; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Thượng Mỗ, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
31. Bà Đỗ Thị D8, sinh năm 1980; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số 2, Nguyễn Thái Học, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
32 Ông Nguyễn Văn D9, sinh năm 1982; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 4 (Song Phương), xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội.
33. Ông Nguyễn Chí D10, sinh năm 1982; (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Phương Viên 3, xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội.
34. Ông Nguyễn Đức E, sinh năm 1988; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Địch Đình, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội.

35. Ông Vũ Tiến E1, sinh năm 1976; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội.

36. Anh Nguyễn Chí E2, sinh năm 2002; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Địch Trung, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội.

37. Anh Nguyễn Xuân E3, sinh năm 1990; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Địch Đình, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội.

38. Ông Nguyễn Đình E4, sinh năm 1982; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ngọc Tảo 9, xã Hát Môn, thành phố Hà Nội.

39. Ông Đỗ Kiên E5, sinh năm 1975; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thuận 1, xã Hát Môn, thành phố Hà Nội.

40. Ông Nguyễn Bá Anh E6, sinh năm 1981; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm 9 (Kim Hoàng), xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội.

41. Ông Ngô Bá E7, sinh năm 1984; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Cao Xá, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

42. Ông Lê Thiên E8, sinh năm 1976; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Lũng Kênh, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

43. Ông Nguyễn Văn E9, sinh năm 1983; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Phú Đa, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

44. Ông Trịnh Văn E10, sinh năm 1983; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Cao Hạ, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

45. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1977; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Lai Xá, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

46. Anh Trần Bá H1, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Táo 2, xã Hát Môn, thành phố Hà Nội.

47. Anh Nguyễn Đình H2, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tam Hiệp, xã Hát Môn, thành phố Hà Nội.

48. Anh Nguyễn Công H3, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ngự Câu, xã An Khánh, thành phố Hà Nội.

49. Anh Chu Văn H4, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Địch Thượng, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội.

50. Bà Trần Thị H5, sinh năm 1992; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Địch Trung, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội.

51. Ông Bùi Tín H6, sinh năm 1990; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Cụm 4, xã Ô Diên, thành phố Hà Nội.

52. Anh Nguyễn Văn H7, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

53. Anh Bùi Văn H8, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

54. Anh Nguyễn Quốc H9, sinh năm 1988; (Vắng mặt).

Địa chỉ: xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

55. Anh Nguyễn Hữu H10, sinh năm 1999; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Cổ Hạ, xã Liên Minh, thành phố Hà Nội.

56. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đông Khê, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

57. Anh Nguyễn Minh K2, sinh năm 1995; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Thuỵ Ứng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

58. Anh Đỗ Văn K3, sinh năm 1997; (Vắng mặt).

Địa chỉ: xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

59. Anh Trần Quang K4, sinh năm 1999; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Cao Xá, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối năm 2024, anh Trần Quang K4 có vay Phí Đình A1 số tiền 15.000.000 đồng dưới hình thức bốc họ. Khi vay tiền Tư thoả thuận cắt lãi của Tuấn 3.000.000 đồng trước, số tiền còn lại mỗi ngày Tuấn đóng 300.000 đồng, đóng trong vòng 50 ngày, khi vay tiền Tuấn có viết giấy vay tiền lại cho Tư. Sau đó, Tư nhờ người quen là Đoàn Văn Tú chuyển số tiền 10.500.000 đồng từ số tài khoản 1161000028886 Ngân hàng BIDV của Tú đến số tài khoản 107869936801 Ngân hàng ViettinBank của anh Trần Quang K4, trong đó Tư yêu cầu anh Tuấn đóng trước 5 ngày là 1.500.000 đồng. Ngày 26/11/2025, Phí Đình A1 đi đến khu vực cổng nhà văn hoá thôn Cao Xá, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội thì thấy anh Tuấn đi cùng Phí Hữu Tâm và Trần Quang Nam. Tại đây, Tư với Tuấn xảy ra cãi nhau, bực tức Tư dùng tay phải tát vào má trái của Tuấn một cái, lúc này anh Nam và anh Tâm vào can ngăn thì Tư đi về còn anh Tuấn đi đến Bệnh viện 198 – Bộ Công an khám, điều trị. Đến ngày 15/12/2025, Tuấn đã trả đủ tiền cho Phí Đình A1 và lấy giấy tờ về. Ngày 09/01/2026, anh Tuấn đến Cơ quan Công an trình báo về việc bị Tư đánh gây thương tích vào ngày 26/11/2025, tại thôn Cao Xá, xã

Hoài Đức, thành phố Hà Nội và việc Tư có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Tiếp nhận tố giác Cơ quan Công an đã tiến hành triệu tập làm việc với Phí Đình A1, quá trình làm việc phát hiện trong điện thoại của Phí Đình A1 có nhiều nội dung liên quan đến việc cùng các đối tượng Phí Hữu A3, Bùi Xuân A4, Đỗ Văn A5, Nguyễn Hồng A6, Đỗ Văn A2 cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Ngày 19/01/2026, Nguyễn Văn A đến Cơ quan Công an xin đầu thú về việc chỉ đạo, đưa tiền cho Phí Đình A1 để tiến hành cho vay lãi để kiếm lời.

***Vật chứng thu giữ:**

+ Anh Trần Quang K4 giao nộp:

- 01 (một) giấy vay tiền ngày 25/12/2024;

- 01 (một) giấy nhận nợ ngày 15/12/2025;

- 05 (năm) tờ giấy A4 có nội dung chuyển khoản của tài khoản số 107.869.936.801– Trần Quang K4;

+ Phí Đình A1 giao nộp:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh, số imei: 355.475.794.483.912 dung lượng 256GB đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs màu vàng, số imei: 357.235.094.769.479 dung lượng 64GB đã qua sử dụng;

+ Bùi Xuân A4 giao nộp:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu ghi, số imei: 350.002.267.564.807 số imei2: 350.002.267.698.894 đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0971.361.832;

- 01 (một) giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị Tân, SN 1977, HKTT: Tây Tựu, Hà Nội cùng 01 CCCD mang tên Nguyễn Thị Tân, SN 1977;

- 01 (một) giấy vay tiền mang tên Nguyễn Văn B10, SN 1989, HKTT: thôn Nhuệ, Hoài Đức, Hà Nội;

- 01 (một) giấy vay tiền mang tên Lê Thiên E8, SN 1976, HKTT: thôn Lũng Kênh, xã Hoài Đức, TP.Hà Nội cùng 01 Chúng minh nhân dân mang tên Lê Thiên E8;

- 01 (một) giấy vay tiền mang tên Nguyễn Văn D, SN 1988, HKTT: xã Hoài Đức, TP.Hà Nội;

- 01 (một) giấy vay tiền mang tên Nguyễn Văn E9, SN 1983, HKTT: thôn Phú Đa, xã Hoài Đức, TP.Hà Nội;

- 01 (một) giấy vay tiền mang tên Nguyễn Thị C8, SN 1982, HKTT: thôn 2, xã Sơn Đồng, TP.Hà Nội;

- 08 (tám) giấy vay tiền để trống họ tên;

+ Nguyễn Hồng A6 giao nộp:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, số imei: 355.834.085.290.545 đã qua sử dụng bên trong lắp sim số 0365.963.654;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, số imei: 352.484.687.283.663 số imei2: 352.484.687.770.073 đã qua sử dụng bên trong không lắp số điện thoại;

+ Phí Hữu A3 giao nộp:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18 màu đen, số imei: 866.067.063.243.614 số imei2: 866.067.063.243.606 điện thoại đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0985.477.181;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng, số imei: 355.731.071.633.292 số Seri: C39RF05JGRWM đã qua sử dụng;

+ Đỗ Văn A2 giao nộp:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi A3 màu đen, số imei: 860.541.079.819.506, số imei2: 860.541.079.819.514 đã qua dử dụng;

+ Đỗ Văn A5 giao nộp:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu trắng, số imei: 353.098.106.898.494, số imei2: 353.098.106.987.172 đã qua sử dụng bên trong lắp sim số 0865.550.488.

Quá trình điều tra xác định công việc hàng ngày của từng người trong nhóm của Nguyễn Văn A như sau:

Khoảng tháng 5/2025, Nguyễn Văn A liên lạc với Phí Đình A1 bảo Tư về làm công việc cho vay nặng lãi cho Phương thì Tư đồng ý. Phương giao cho Tư 500.000.000 đồng tiền mặt và bảo Tư là dùng số tiền này để cho vay lãi dưới hình thức "*bốc họ*". Phương giao cho Tư quản lý nhóm gồm Phí Hữu A3 và Đỗ Văn A2, đến khoảng tháng 9/2025, Tư nhận thêm Đỗ Văn A5 và Nguyễn Hồng A6 đến làm cho Tư. Đến khoảng tháng 10/2025, Tư nhận thêm Bùi Xuân A4 vào làm việc cho nhóm của Tư. Quá trình cho vay lãi Tư thuê 01 cửa hàng ở xã Liên Minh, thành phố Hà Nội để ngồi làm việc; Phương thuê 01 căn nhà 03 tầng ở Phượng Trì, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội để cho mọi người ăn ở, sinh hoạt hàng ngày và là nơi để Phương sẽ tập trung tất cả để họp định kỳ hàng tháng để kiểm tra việc cho vay của nhóm Tư. Hàng tháng Phương sẽ trả tiền lương cho Tư, sau đó Tư trả lương cho nhân viên. Quá trình điều tra, Phương thừa nhận sử dụng số

tài khoản 998131199 Ngân hàng Vietcombank chủ tài khoản Đỗ Thị Huệ - là vợ của Phương để thực hiện các giao dịch. Phương thực hiện việc cho vay lãi từ tháng 5/2025, tuy nhiên không đăng ký kinh doanh. Phí Đình A1 là người được nhận tiền từ Phương, được giao chủ động quản lý những thành viên và giao việc cho mọi người trong nhóm. Tư sẽ tổng kết hàng ngày và tháng, sau đó sẽ báo cáo lại cho Phương kết quả. Hàng tháng, Tư nhận tiền lương là 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Tư sẽ là người trực tiếp trả lương cho Thật số tiền 11.000.000 đồng, còn Duy, Quân, Phú, Đĩnh hàng tháng sẽ được trả lương số tiền là 8.000.000 đồng. Toàn bộ mọi giao dịch khi cho vay tiền và nhận tiền đều sử dụng số tài khoản 0969907794 Ngân hàng BIDV của Tư. Phí Hữu A3 là người được Tư giao cho nhiệm vụ cùng với Bùi Xuân A4 đi thu tiền của khách vay tiền ở khu vực vực huyện Hoài Đức, Hà Nội (cũ) nay là các xã Hoài Đức, Sơn Đồng, Dương Hòa, An Khánh, thành phố Hà Nội; Nếu khách nào không trả hoặc chậm trả tiền thì sau khi Tư chỉ đạo Thật và Đĩnh sẽ đến nhà khách vay tiền để đòi và gây sức ép, yêu cầu con nợ trả tiền. Hàng tháng, Thật được hưởng lương 11.000.000 đồng, Đĩnh được Tư trả lương 8.000.000 đồng. Đỗ Văn A5 là người được Tư giao cho nhiệm vụ ngồi trông cửa hàng để tiếp khách vay tiền ở tại xã Ô Diên, thành phố Hà Nội. Đến khoảng 15 giờ chiều hàng ngày thì Duy có nhiệm vụ đi thu tiền của các khách vay tiền của Tư ở khu vực xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Hàng tháng, Duy được Tư trả lương 8.000.000 đồng. Đỗ Văn A2 và Nguyễn Hồng A6 là người được Tư giao cho nhiệm vụ cùng với Nguyễn Hồng A6 khi có khách chậm chễ trả tiền thì Tư chỉ đạo Phú và Quân đến nhà gây sức ép yêu cầu khách phải trả tiền. Hàng tháng, Phú và Quân được Tư trả tiền lương 8.000.000 đồng mỗi người.

Về hình thức vay và lãi suất tự quy định với khách hình thức như sau:

Đối với bát họ vay 50 ngày: Người vay sẽ bị thu tiền lãi khoản vay 20%, tiền gốc, tương đương lãi suất khoản vay là 146%/01 năm. Tiền lãi khoản vay bị trừ ngay khi người vay nhận tiền. Số tiền mà khách vay sẽ phải trả trong vòng 50 ngày chỉ trả tiền gốc.

Khi khách hàng liên hệ vay tiền, các đối tượng sẽ hẹn người vay đến địa điểm của nhóm để thoả thuận và đưa cho người vay mẫu giấy vay tiền in sẵn, để người vay điền thông tin cá nhân và số tiền vay. Trên một số giấy vay tiền ghi lãi suất là 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày, nhưng đó là các đối tượng yêu cầu người vay phải ghi nội dung như vậy để nhằm đối phó với cơ quan chức năng khi bị kiểm tra. Nhưng thực tế thì các đối tượng cho người vay tiền dưới hình thức bốc họ như trên.

Quá trình điều tra đã làm rõ số tiền các đối tượng cho vay, lãi suất, số tiền thu lời bất chính cụ thể như sau:

STT	Tên khách vay	Số tiền vay	Thời gian vay (ngày)	Ngày vay	Tỉ lệ 10 ăn 8 (số tiền cầm về)	Tiền đóng 1 ngày	Số tiền lãi	Số tiền thu lời bất chính
1	Hoàng Thị B	5.000.000	50	25/12/2025	4.000.000	100.000	1.000.000	863.014
2	Nguyễn Đình E4	25.000.000	50	25/12/2025	20.000.000	500.000	5.000.000	4.315.068
3	Trần Thị H5	15.000.000	50	26/12/2025	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
4	Nguyễn Văn H7	15.000.000	50	26/12/2025	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
5	Nguyễn Đức E	10.000.000	50	27/12/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
6	Nguyễn Minh K2	10.000.000	50	27/12/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
7	Đỗ Kiến Hải	15.000.000	50	27/12/2025	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
8	Bùi Quang D4	10.000.000	50	28/12/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
9	Bùi Thảo B5	10.000.000	50	30/12/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
10	Đỗ Thị D8	10.000.000	50	01/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
11	Nguyễn Văn K	15.000.000	50	01/01/2026	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
12	Nguyễn Đình H2	10.000.000	50	01/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
13	Trần Bá C6	10.000.000	50	01/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
14	Hoàng Văn D7	20.000.000	50	02/01/2026	16.000.000	400.000	4.000.000	3.452.055
15	Bùi Văn H8	10.000.000	50	03/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
16	Trần Bá H1	10.000.000	50	03/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
17	Tạ Thị D5	15.000.000	50	03/01/2026	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
18	Đỗ Văn K3	10.000.000	50	04/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
19	Nguyễn Văn B6	5.000.000	50	04/01/2026	4.000.000	100.000	1.000.000	863.014
20	Nguyễn Quốc H9	20.000.000	50	04/01/2026	16.000.000	400.000	4.000.000	3.452.055
21	Nguyễn Hữu H10	5.000.000	50	04/01/2026	4.000.000	100.000	1.000.000	863.014
22	Bùi Tín H6	20.000.000	50	05/01/2026	16.000.000	400.000	4.000.000	3.452.055
23	Bùi Văn D6	5.000.000	50	05/01/2026	4.000.000	100.000	1.000.000	863.014
24	Nguyễn Xuân E3	10.000.000	50	07/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
25	Chu Văn H4	10.000.000	50	08/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027

26	Nguyễn Chí E2	5.000.000	50	09/01/2026	4.000.000	100.000	1.000.000	863.014
27	Nguyễn Văn D	15.000.000	50	06/01/2026	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
28	Nguyễn Văn D1	20.000.000	50	06/01/2026	16.000.000	400.000	4.000.000	3.452.055
29	Nguyễn Thị Thanh C4	10.000.000	50	03/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
30	Nguyễn Viết C3	10.000.000	50	03/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
31	Đoàn Đắc D2	25.000.000	50	03/01/2026	20.000.000	500.000	5.000.000	4.315.068
32	Nguyễn Văn C10	10.000.000	50	03/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
33	Nguyễn Xuân H	5.000.000	50	03/01/2026	4.000.000	100.000	1.000.000	863.014
34	Nguyễn Danh C9	25.000.000	50	03/01/2026	20.000.000	500.000	5.000.000	4.315.068
35	Nguyễn Cao C	10.000.000	50	03/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
36	Nguyễn Văn B10	10.000.000	50	01/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
37	Nguyễn Chí D10	15.000.000	50	31/12/2025	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
38	Nguyễn Bá Anh E6	10.000.000	50	29/12/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
39	Nguyễn Xuân B9	15.000.000	50	29/12/2025	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
40	Đoàn Văn B1	10.000.000	50	28/12/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
41	Nguyễn Tuấn C1	10.000.000	50	27/11/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
42	Đàm Văn B7	5.000.000	50	27/12/2025	4.000.000	100.000	1.000.000	863.014
43	Ngô Bá E7	10.000.000	50	27/12/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
44	Nguyễn Văn D9	10.000.000	50	26/12/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
45	Nguyễn Văn B8	5.000.000	50	26/12/2025	4.000.000	100.000	1.000.000	863.014
46	Đỗ Bá C2	15.000.000	50	26/12/2025	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
47	Vũ Tiến E1	10.000.000	50	26/12/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
48	Nguyễn Thanh D3	10.000.000	50	25/12/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
49	Nguyễn Văn Thủy	15.000.000	50	25/12/2025	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
50	Nguyễn Thanh B4	10.000.000	50	25/12/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
51	Ngô Văn B3	15.000.000	50	09/01/2026	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
52	Nguyễn Công H3	15.000.000	50	06/01/2026	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
53	Trịnh Văn E10	10.000.000	50	07/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
54	Nguyễn Hữu C7	10.000.000	50	07/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
55	Nguyễn Ích C5	10.000.000	50	07/01/2026	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027

56	Lê Thiên E8	10.000.000	50	31/08/2025	8.000.000	200.000	2.000.000	1.726.027
57	Nguyễn Văn E9	15.000.000	50	08/01/2026	12.000.000	300.000	3.000.000	2.589.041
	Tổng số tiền cho vay :	**680.000.000**			Tổng số tiền thu lời bất chính:			**117.369.863**

Tại bản Cáo trạng số 155/CT-VKSKV8 ngày 13 tháng 03 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A, Phí Hữu A3, Nguyễn Hồng A6, Đỗ Văn A2, Bùi Xuân A4, Phí Đình A1, Đỗ Văn A5 về tội: *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của người bị hại, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A mức án từ 9 -12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 - 24 tháng.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phí Đình A1 mức án từ 8 - 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 – 20 tháng.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn A2 mức án từ 8 - 10 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phí Hữu A3 mức án từ 6 - 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 – 16 tháng.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Xuân A4 mức án từ 6 - 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 – 16 tháng.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn A5 mức án từ 6 - 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 – 16 tháng.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng A6 mức án từ 6 - 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 – 16 tháng

Về hình phạt bổ sung: Không

Về dân sự: Áp dụng Điều 5 Nghị Quyết 01/20.12.2021 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao:

Đối với số tiền gốc các bị cáo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay nhưng những người này chưa trả hết, xét đây là phương tiện phạm tội nên cần buộc bị cáo Phương và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan truy thu sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

+ Tịch thu sung công của bị cáo Phương tổng số tiền 417.300.000 đồng; Trong đó gốc là 280.300.000 đồng, lãi vi phạm là 117.369.863 đồng.

+ Tịch thu sung công của những người liên quan tổng số tiền gốc là 398.700.000 đồng.

+ Tịch thu sung công của bị cáo Phí Đình A1 cho anh Trần Quang K4 vay (đây là số tiền riêng của bị cáo), hiện nay anh Tuấn đã trả hết nên cần buộc bị cáo truy thu số tiền 18.000.000 đồng.

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành

tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2025 đến ngày 09/01/2026, trên địa bàn huyện Hoài Đức (cũ), Đan Phượng (cũ) nay là các xã Hoài Đức, Sơn Đồng, An Khánh, Dương Hòa, Đan Phượng, Ô Diên, Liên Minh, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn A giao cho Phí Đình A1 số tiền 500.000.000 đồng, đồng thời chỉ đạo các đối tượng Phí Đình A1, Phí Hữu A3, Đỗ Văn A2, Bùi Xuân A4, Đỗ Văn A5, Nguyễn Hồng A6 tổ chức cho nhiều người vay tiền với lãi suất 20%/ 50 ngày tương ứng với 146%/ 01 năm. Tổng số tiền các đối tượng cho vay tiền là 680.000.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi triệu đồng*), số tiền lãi thu về là 136.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi sáu triệu đồng*), trong đó số tiền thu lời bất chính từ hoạt động cho vay là **117.369.863** (*Một trăm mười bảy triệu ba trăm sáu chín nghìn tám trăm sáu ba đồng*).

Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn A, Phí Đình A1, Đỗ Văn A2, Phí Hữu A3, Bùi Xuân A4, Đỗ Văn A5, Nguyễn Hồng A6 đủ yếu tố cấu thành tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hà Nội truy tố các bị cáo về hành vi phạm tội như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng, quản lý Nhà nước về hoạt động tín dụng mà còn xâm phạm đến lợi ích của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội, là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác, gây tâm lý lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo Phương đã đến Cơ quan công an xin đầu thú, đồng thời bị cáo tự nguyện nộp 117.500.000 đồng khắc phục hậu quả;

Các bị cáo Phí Đình A1, Phí Hữu A3, Bùi Xuân A4, Đỗ Văn A5, Nguyễn Hồng A6 lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn A được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đỗ Văn A2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Phí Đình A1, Phí Hữu A3, Bùi Xuân A4, Đỗ Văn A5, Nguyễn Hồng A6 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đánh giá vai trò của các bị cáo: Trong vụ án các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm có tổ chức nhưng mang tính chất giản đơn, trong đó bị cáo Phương là chủ mưu, người cung cấp nguồn tiền cho Tư để thực hiện hành vi phạm tội; Phí Đình A1 là đồng phạm với vai trò thực hành tích cực, là người điều hành các bị cáo khác cho vay và thu nợ; các bị cáo khác giữ vai trò là đồng phạm giúp sức. Mặc dù có sự phân công vai trò của từng bị cáo nhưng ở mức độ thấp, tính chất nguy hiểm cho xã hội không lớn. Trong vụ án bị cáo Phú là người có nhân thân xấu, mặc dù đã được xoá án tích, nhưng nhiều lần phạm tội, nay tiếp tục phạm tội mới nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các bị cáo Nguyễn Văn A, Phí Đình A1, Phí Hữu A3, Bùi Xuân A4, Đỗ Văn A5, Nguyễn Hồng A6 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên Toà các bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, có nơi cư trú rõ ràng, có các tình tiết giảm nhẹ như đã viện dẫn ở trên. Do đó, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với Đoàn Văn Tú: Quá trình điều tra xác định cuối năm 2024, Phí Đình A1 nhờ Tú chuyển số tiền số tiền 10.500.000 đồng từ số tài khoản 1161000028886 Ngân hàng BIDV của Tú đến số tài khoản 107869936801 Ngân hàng ViettinBank của Trần Quang K4 sau đó Tư đưa tiền mặt cho Tú do thời điểm đó Tư không sử dụng tài khoản Ngân hàng. Tại cơ quan điều tra, anh Tú khai Tư là người quen nhờ chuyển tiền hộ nên anh Tú chuyển, anh Tú không biết việc Tư cho vay lãi nặng. Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Tú là đúng.

Đối với chị Đỗ Thị Huệ: Quá trình điều tra xác định số tài khoản 9981311999 Ngân hàng Vietcombank là của chị Huệ. Tại cơ quan điều tra chị

Huệ khai bản thân đăng ký số tài khoản ngân hàng nêu trên tuy nhiên bản thân chị không sử dụng. Chị Huệ cho chồng là Nguyễn Văn A sử dụng số tài khoản ngân hàng nêu trên, tuy nhiên chị Huệ không biết việc Phương có hành vi cho vay lãi nặng. Do đó, cơ quan điều tra không xử lý chị Huệ là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh, số imel: 355475794483912, dung lượng 256GB đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng, số imel: 357235094769479 dung lượng 64GB; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu ghi, số imel: 350002267564807, số ime 2: 350002267698894 bên trong lắp thẻ sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, số imei: 355834085290545 đã qua sử dụng bên trong lắp thẻ sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, số imei: 352484687283663, số imei2: 352484687770073 bên trong không lắp sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18 màu đen, số imei: 866067063243614, số imei2: 866067063243606 bên trong lắp thẻ sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng, số imei: 355731071633292, số Seri: C39RF05JGRWM đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi A3 màu đen, số imei: 860541079819506, số imei2: 860541079819514; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu trắng, số imei: 353098106898494, số imei2: 353098106987172 bên trong lắp thẻ sim, là vật chứng của vụ án, các bị cáo sử dụng điện thoại để trao đổi công việc và liên hệ cho vay lãi nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định.

[8] Về dân sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

[9] Các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 417.300.000 đồng của bị cáo Phương, trong đó có 280.300.000 đồng là gốc, 117.369.863 đồng lãi vi phạm là phương tiện phạm tội và thu lời bất chính nên cần buộc bị cáo Phương truy thu tổng số tiền 417.300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đã nộp 117.500.000 đồng tiền thu lời bất chính.

- Đối với số tiền 398.700.000 đồng là số tiền những người liên quan chưa trả Phương, xác định đây là phương tiện phạm tội nên cần buộc những người liên quan truy thu để sung quỹ Nhà nước (có danh sách kèm theo Bản án).

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng Phí Đình A1 cho anh Trần Quang K4 vay: Quá trình điều tra và tại phiên Toà xác định đây là số tiền Tư cho anh Tuấn vay riêng, Tư đã cắt lãi của anh Tuấn 3.000.000 đồng, anh Tuấn đã trả hết số tiền trên cho Tư. Xét thấy số tiền này cũng là liên quan đến hành vi phạm tội nên cần buộc bị cáo Phí Đình A1 truy nộp số tiền 18.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Phí Đình A1, Đỗ Văn A2, Phí Hữu A3, Bùi Xuân A4, Đỗ Văn A5, Nguyễn Hồng A6 phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*";

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn A 09** *(chín)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 18 *(mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn A2 07** *(bảy)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/1/2026 đến ngày 5/3/2026.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo **Phí Đình A1 08** *(tám)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 16 (*mười sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Phí Hữu A3 07** *(bảy)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 14 (*mười bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Bùi Xuân A4 07** *(bảy)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 14 (*mười bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn A5 07** *(bảy)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 14 (*mười bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng A6 07** *(bảy)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 14 (*mười bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn A, Bùi Xuân A4, Đỗ Văn A5, Nguyễn Hồng A6 cho Uỷ ban nhân dân xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội theo dõi, giám sát trong thời gian thử thách của Bản án.

Giao cáo bị cáo Phí Đình A1, Phí Hữu A3 cho Uỷ ban nhân dân xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo dõi, giám sát trong thời gian thử thách của Bản án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự; trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước các tài sản sau:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh, số imel: 355475794483912, dung lượng 256GB đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu vàng, số imel: 357235094769479 dung lượng 64GB.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu ghi, số imel: 350002267564807, số ime 2: 350002267698894 bên trong lắp thẻ sim.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, số imei: 355834085290545 đã qua sử dụng bên trong lắp thẻ sim.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, số imei: 352484687283663, số imei2: 352484687770073 bên trong không lắp sim.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18 màu đen, số imei: 866067063243614, số imei2: 866067063243606 bên trong lắp thẻ sim.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng, số imei: 355731071633292, số Seri: C39RF05JGRWM đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi A3 màu đen, số imei: 860541079819506, số imei2: 860541079819514.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max màu trắng, số imei: 353098106898494, số imei2: 353098106987172 bên trong lắp thẻ sim.

(Vật chứng hiện lưu giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hà Nội theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/02/2026).

3. Về dân sự: Không

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 5 Nghị Quyết 01/20.12.2021 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn A truy nộp số tiền 417.300.000 đồng (*Bốn trăm mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng)* vào sung vào ngân sách Nhà nước. Ghi nhận

sự tự nguyện của bị cáo đã nộp số tiền thu lời bất chính là 117.500.000 đồng (*Một trăm mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* theo Biên lai 0005307 ngày 21/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Bị cáo còn phải nộp số tiền **299.800.000** đồng (*Hai trăm chín chín triệu tám trăm nghìn đồng*).

- Buộc bị cáo Phí Đình A1 truy nộp số tiền **18.000.000** đồng (*Mười tám triệu đồng)* sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan truy nộp tổng số tiền **398.700.000 đồng** (*Ba trăm chín tám triệu bảy trăm nghìn đồng*) sung vào Ngân sách Nhà nước (Có danh sách kèm theo bản án).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo mỗi người phải nộp **200.000** đồng (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; người liên quan
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- VKSND Khu vực 8;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Lưu HS – VP

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Sơn Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**